

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61 /2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-8-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm

2. Bà Lê Thị Cúc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị T1**, sinh năm 1991 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh

- Bị đơn: Anh **Sơn C2**, sinh năm 1983 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 02 năm 2022 và quá trình tố tụng chị Thạch Thị T1 là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Sơn C2 được gia đình hai bên chấp thuận, tiến tới hôn nhân vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 08/3/2010. Quá trình chung sống bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh C2 không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha nên chị đã sống ly thân với anh C2 từ năm 2012 cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C2.

Về con chung: Chị T1 yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Sơn N T2, sinh ngày 05/6/2011 không yêu cầu anh C2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với anh Sơn C2, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự có cơ hội đoàn tụ và thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại các phiên họp, hòa giải anh C2 đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định, đối với bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Thạch Thị T1. Giao con chung Sơn N T2 cho Chị T1 được quyền trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo nguyện vọng của con chung, Chị T1 không yêu cầu anh C2 cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 khai không có, không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Buộc Chị T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Sau khi thụ lý Tòa án đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208, 209, 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án không tiến hành hòa giải được do anh C2 vắng mặt đến lần thứ hai. Anh C2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, đối với Chị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Chị T1 và anh C2 xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/3/2010, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm từ đó Chị T1 và anh C2 sống ly thân với nhau từ năm 2010 đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị không gặp nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần đến phiên hòa giải nhưng anh C2 không đến. Tại phiên tòa, anh C2 cũng vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy anh C2 không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ lại với chị T1. Sau khi Tòa án tiến hành xác minh về mâu thuẫn giữa Chị T1 và anh C2 thì bà Thạch T N5 (mẹ của chị T1) và ông Sơn S5 (Cha của anh C2) đều xác nhận Chị T1 và anh C2 sống ly thân đã gần 10 năm, mỗi người sống một nơi, không còn tình cảm vợ chồng và không muốn hàn gắn đoàn tụ lại với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của Chị T1 và anh C2 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T1.

[4] Về con chung: Chị T1 và anh C2 có với nhau 01 con chung tên Sơn N T2, sinh ngày 05/6/2011, hiện đang sống chung với chị T1, Chị T1 làm công nhân có thu nhập lương hàng tháng có điều kiện chăm sóc con, đồng thời cháu Thùy có nguyện vọng được sống chung với Chị T1 nên giao con chung cho Chị T1 được quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Anh Sơn C2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 không yêu cầu anh C2 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị T1.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Thạch Thị T1 được ly hôn với anh Sơn C2.

2. Về con chung: Giao con chung Sơn N T2, sinh ngày 05/6/2011 cho chị Thạch Thị T1 được quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo nguyện vọng của con chung. Anh Sơn C2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thạch Thị T1 không yêu cầu anh Sơn C2 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị T1 khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Thạch Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011425 ngày 28/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã P;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Đã ký